Minh thập tam lăng
Một kỳ quan của kiến trúc trung hoa cổ

HẢI THANH*

Minh thập tam lăng tức 13 lăng của các hoàng đế triều Minh (1378-1644), đây là khu vực kiến trúc to lớn bậc nhất của Trung Hoa thời trung đại. Mười ba lăng này vẫn được bảo tồn tương đối tốt và vẫn luôn là một trong những mục tiêu tham quan hấp dẫn nhất của du khách khi tới Bắc Kinh. Năm 2002, khu di tích này đã được tổ chức UNESCO công nhận là di sản văn hoá thế giới, vì vậy nó càng trở nên nổi tiếng. Phần nào như các lăng tẩm của vua chúa nhà Nguyễn tại Huế ở nước ta, Minh Thập Tam Lăng thường được xem là hình ảnh tiêu biểu của "những ngôi nhà ở thế giới bên kia" của các bậc đế vương trong tư duy của người xưa. Dưới đây chúng tôi xin giới thiệu khái quát về cụm di tích độc đáo này, qua đó cũng mong muốn độc giả có những liên tưởng, so sánh di tích trên với những danh thắng của nước ta.

I- Vài nét về lịch sử xây dựng Minh Thập Tam Lăng.

Trong lịch sử kiến trúc của người Trung Quốc, kiến trúc lăng mộ được xem là một loại hình chuyên biệt với những đặc thù riêng. Từ hàng ngàn năm trước dạng kiến trúc này đã có những công trình vĩ đại như lăng Tần Thuỷ Hoàng, lăng Hán Cao Tổ... Theo dòng lịch sử, ở mỗi triều đại, kiến trúc lăng mộ lại có một phong cách riêng, đặc biệt là kiến trúc lăng mộ vua chúa và quý tộc. Thường thì lăng mộ vua chúa Trung Hoa đều tập trung tại kinh đô của các vương triều. Như Tây An, từng là cố đô của 11 triều đại, tập trung đến 72 ngôi mộ đế vương của các triều Chu, Tần, Hán, Đường; riêng nhà Đường đã có 19 ngôi. Ở cố đô Lạc Dương cũng từng có 9 triều đại đóng đô, tại đây đã phát hiện 9 lăng hoàng đế thời Đông Hán và 7 lăng hoàng đế thời Ngũ Đại Thập Quốc. Nam Kinh

Điện Lăng Ân - điện thờ chính của Trường Lăng

* PHÒNG NGHIÊN CỨU - TT BẢO TỒN DT CĐ HUẾ

cũng từng là kinh đô của 9 triều đại, riêng thời Lục Triều đã có 71 ngôi lăng của vua chúa. Còn Bắc Kinh là nơi tập trung lăng mộ của 2 triều Minh, Thanh. Tuy nhiên việc xây dựng các lăng thời Minh có nét riêng.

Nguyên buổi đầu triều Minh đóng đô tại Nam Kinh, lăng của Minh Thái Tổ Chu Nguyên Chương cũng được xây dựng dưới chân ngọn Trung Sơn, bên ngoài thành Nam Kinh, mang tên là Hiếu lăng. Nhưng từ khi Minh Thành Tổ Chu Đệ lên ngôi, kinh đô của triều Minh đã được rời về Bắc Bình (tức Bắc Kinh). Năm Vĩnh Lạc thứ 5 (1406), trong khi thành Bắc Kinh đang được xây dựng thì hoàng hậu Từ Thị qua đời, Thành Tổ không cho an táng người vợ yêu tại Nam Kinh mà quàn bà tạm tại cố đô này và lập tức cử người đi tìm đất xây lăng tại Bắc Kinh. Suốt hơn 2 năm, Thượng thư bộ Lễ là Triệu Vũ và nhóm thầy địa lý Liêu Quân Khanh đã đi khắp các vùng núi quanh kinh đô để tìm vùng "vạn niên cát địa". Đến năm Vĩnh Lạc thứ 7 họ đã tìm ra mảnh đất như ý dưới chân núi Hoàng Thổ thuộc huyện Xương Bình. Đích thân Minh Thành Tổ đến xem xét và đã phê duyệt.

Đây quả là một mảnh đất tuyệt đẹp xét về nhiều mặt. Dãy Yến Sơn bắt nguồn từ vùng cao nguyên tây bắc uốn lượn chạy tới đây thì địa thế thấp dần tạo thành một bức tường thiên nhiên hình vòng cung vô cùng hùng vĩ. Giữa vòng cung ấy là một bình nguyên mênh mông, cảnh trí tươi đẹp, có suối chảy chầm chậm từ đỉnh núi xuống dọc theo những cánh đồng xanh tươi hết sức nên thơ. Phía trước vòng cung ấy, ở 2 phía đông tây lại đột khởi lên 2 quả núi nhỏ xanh biếc, trông như hai vị thần đang đạp đất đội trời canh giữ cho vùng đất thiêng liêng này. Địa thế khu đất không chỉ rất đẹp mà còn rất hiểm trở, dễ phòng thủ mà lại khó tấn công vào. Nếu xây dựng lăng ở đây thì không chỉ có địa thế đẹp mà còn dễ dàng tạo thêm được một cứ điểm kiên cố để bảo vệ kinh đô. Bởi vậy sau khi thị sát, Thành Tổ đã tỏ ra hết sức ưng ý và ra lệnh: khoanh ngay 80 dặm để xây dựng khu lăng tẩm và cho khởi công xây trường lăng.

Theo sách Thái Tông Vĩnh Lạc thực lục, sau khi tìm được đất, Thành Tổ đã cho mở tiệc linh đình để ban thưởng, quần thần đều xưng tụng mảnh đất mới được vua chuẩn y là chốn "vạn niên cát địa"; nhà vua nhân đấy mới xuống chỉ đổi tên núi Hoàng Thổ thành Thiên Thọ Sơn.

Công cuộc xây dựng các lăng thời Minh diễn ra trong thời gian rất dài, đến hơn 200 năm. Quy mô, phong cách của các lăng cũng không hoàn toàn giống nhau do hoàn cảnh đương thời và cá tính mỗi vị hoàng đế đều có chỗ khác biệt. Nhưng nhìn chung cả 13 lăng đều được đầu tư xây dựng rất lớn. Tiêu biểu nhất có lẽ là Trường Lăng, ngôi lăng được xây dựng đầu tiên và cũng là trung tâm của Thập Tam Lăng, nên có quy mô rất kỳ vĩ. Trường lăng được xây dựng trong 18 năm mới hoàn thành. Lực lượng xây lăng lúc đầu huy động tới 40 vạn người. Sau khi hoàn thành, các công trình đều có tầm vóc rất lớn, riêng điện chính Lăng Ân đã có bình diện nền đến 4.000m2; nội thất điện rộng đến 1.950m2 Điện có cấu trúc bề ngang 9 gian, sâu 5 gian; 16 cột trụ chính làm bằng gỗ Nam có đường kính hơn 1m, cao hơn 13m... Còn ở Định Lăng, khu lăng tẩm duy nhất của Thập Tam Lăng (đã được khai quật) khi xây dựng đã sử dụng đến 10.000 cây gỗ Nam (cây lớn nhất đường kính 1,4m), thứ gỗ quý khai thác từ các tỉnh Quảng Tây, Vân Nam, Quý Châu và Tứ Xuyên. Khi xây dựng các lăng, triều Minh đã huy động một số lượng khổng lồ các loại vật liệu gạch, đá phiến, ngói, chế phẩm lưu li... Trung bình mỗi lăng đã dùng cả trên dưới một triệu viên gạch (loại gạch kích thước 49cm x 12cm) chất lượng cực tốt của vùng Lâm Thanh-Sơn Đông. Đá phiến gồm đủ các loại đá trắng, đá đen, đá cẩm thạch thì chủ yếu khai thác từ vùng Đại Thạch Oa, huyện Phòng Sơn đưa về. Mỗi phiến đá nặng từ vài tạ đến trên 1 tấn, cá biệt có những tấm đá nặng hàng chục tấn nên chi phí cho việc vận chuyển vô cùng tốn kém (1). Nói chung chi phí xây dựng các lăng đều rất lớn. Ví như việc xây dựng Định lăng, kéo dài từ năm 1584 đến năm 1590 mới hoàn thành, tổng chi phí xây dựng khu lăng này lên tới 8 triệu lượng bạc, tương đương tổng thu nhập của quốc khố nhà Minh trong 2 năm! Nhưng chính sự đầu tư lớn lao đó đã tạo nên một Thập Tam Lăng độc nhất vô nhị, được xem là một trong những thành tựu kiến trúc kỳ vĩ và độc đáo nhất của Trung Hoa thời trung đại.

II- Cấu trúc Thập Tam Lăng.

II.1- Cấu trúc chung

Minh thập tam lăng tọa lạc trên một khu vực có tổng diện tích khoảng 40km2 tại dãy Thiên Thọ Sơn thuộc huyện Xương Bình, ngoại thành thủ đô Bắc Kinh, cách Cố cung chừng 50km. Khu lăng có ba mặt được vây quanh bằng dãy Thiên Thọ hùng vĩ, đi vào chỉ có một con đường "độc đạo" cũng là Thần đạo chung của Thập Tam Lăng; hai bên tả hữu lại có hai ngọn núi Thanh Long, Bạch Hổ chầu vào, trông cực kỳ

ngoạn mục. Một bức tường thành nối liền giữa hai dãy núi này và vòng quanh khu lăng dài đến 12km, khiến khu di tích như cách biệt hẳn với bên ngoài. Tuy nhiên đi vào khu Thập tam lăng, phải bắt đầu từ đường Thần Đạo mở từ bên ngoài ngũ môn đá khổng lồ, được gọi là Thạch Bài Phường, sau đó là Đại Cung Môn, Bi Lâu, Thạch Tượng Sinh, Long Phụng Môn, Thất Khổng Kiều... rồi mới vào đến Trường Lăng.

Về cấu trúc chung của Thập Tam Lăng có thể chia làm 2 phần: Khu vực chung nằm dọc trục Thần Đạo cùng các cụm công trình ở hai bên; và 13 khu lăng trong quần thể.

- Thần Đạo vốn dĩ là con đường đầu tiên chỉ xây dựng để đi vào Trường lăng nhưng sau trở thành con đường chung cho toàn khu Thập tam lăng.

Thần Đạo chạy theo trục Nam-Bắc, từ điểm khởi đầu nối đến tận Trường lăng có tổng chiều dài đến hơn 7km. Đây cũng là đường Thần Đạo dài nhất trong lịch sử kiến trúc lăng mộ Trung Hoa.

- Thạch Bài Phường được Minh Thế Tông xây dựng năm 1540 nhằm xiển dương công đức của tổ tiên. Cổng được xây hoàn toàn bằng đá theo lối "lục trụ ngũ môn" (6 cột trụ, 5 cửa). Trên mỗi cửa đều có tầng mái giả ngói ống, chạm trổ điêu khắc cực kỳ tinh xảo. Thạch Bài Phường được xem là một trong những kiệt phẩm điêu khắc đá của thời Minh.

- Đại Cung Môn là chiếc cửa chính để đi vào toàn bộ khu Thập Tam Lăng, trước cửa, ở hai bên đều có bia "hạ mã". Ngày xưa, tất cả quan viên văn võ được theo hoàng đế lên viếng lăng đều phải xuống xe ngựa tại đây. Đại Cung Môn có quy mô to lớn như một toà cung điện, dưới trổ 3 cửa, trên dùng mái kiểu Vũ điện (2) lợp ngói hoàng lưu li rực rỡ.

- Bi lâu, tức là bia Thánh Đức Thần Công, do Minh Nhân Tông khắc dựng nhằm ca ngợi công đức của phụ hoàng. Bia đá to lớn khắc bài văn bia dài hơn 3.000 chữ Hán. Nhà bia xây gạch, 4 mặt trổ 4 cửa; mái cắt đôi và nâng cao phần cổ diêm để tạo dáng như một ngôi lầu nên mới gọi là Bi Lâu (lầu bia).

Hai bên và phía sau Bi Lâu là 6 cột Hoa Biểu (3) bằng đá sừng sững, biểu trưng như những ngọn đuốc thắp sáng vĩnh viễn ở chốn yên nghỉ của các hoàng đế triều Minh. Các cột hoa biểu này đều có thân tròn, chạm rồng mây đặc biệt tinh xảo, đặt trên đế cao cùng làm bằng chất liệu đá cẩm thạch.

Ngay phía sau các trụ hoa biểu là 2 dãy tượng đá Thạch Tượng Sinh, mỗi bên 9 bức tượng, bố trí kéo dài đến tận Long Phụng Môn.

- Thạch Tượng Sinh (4) được xây dựng từ năm 1436 nhưng 3 năm sau mới làm xong. Các bức tượng thú vật (giải trĩ, kỳ lân, sư tử, lạc đà, voi, ngựa) và tượng người (Huân thần, quan văn, quan võ) đều tạc bằng đá với kích thước rất lớn (có bức cao đến 5m), chạm trổ công phu. Thạch Tượng Sinh biểu trưng cho nghi vệ của hoàng đế tại nơi yên nghỉ của bậc thiên tử.

- Long Phụng Môn là 3 chiếc cửa đá cẩm thạch làm theo kiểu giá chiêng, đặt ở cuối hai hàng tượng đá. Ba chiếc cửa này tuy kích thước không lớn, cấu trúc khá đơn giản nhưng cũng rất tinh xảo.

Vượt qua Long Phụng Môn một quãng là Thất Khổng Kiều (cầu đá 7 nhịp) bắc qua dòng sông nhỏ chảy trong khu lăng. Hai bên đường Thần Đạo còn có các hành cung giành cho hoàng đế và tuỳ tùng mỗi khi lên viếng lăng; có khu vực giành cho Thái giám; khu xưởng chế tác của Bộ Công và các khu vườn lăng.

II.2- Các khu lăng

Thập Tam Lăng được bố trí tương đối đều đặn dưới chân dãy Thiên Thọ Sơn theo nguyên tắc tả chiêu hữu mục; mỗi khu lăng cách nhau chừng 500-1000m, tạo nên một quần thể kiến trúc liên hoàn vô cùng hùng vĩ. Mười ba khu lăng ấy gồm:

1- Trường Lăng:

Lăng của Minh Thành Tổ Chu Đệ và Từ hoàng hậu, xây dựng từ năm 1409, riêng điện Lăng Ân mãi đến năm 1427 mới xây xong. Chu Đệ (1360 - 1424) là con trai thứ 4 của ông vua sáng lập ra triều Minh Chu Nguyên Chương. Thành Tổ làm vua 22 năm, mất năm 65 tuổi. Từ hoàng hậu mất năm 1406; năm 1413 được đưa về Bắc Kinh, bà là người đầu tiên được an táng tại khu Thập Tam Lăng.

2- Hiến Lăng:

Lăng của Minh Nhân Tông Chu Cao Xí. Chu Cao Xí (1427-1464) là con của Chu Đệ. Hiến lăng nằm ở bên phải của Trường lăng, quy mô có phần khiêm tốn hơn. Điểm đặc biệt của Hiến lăng là giữa điện Phúc Ân và Minh Lâu có một quả núi ngăn cách, chia lăng thành 2 phần. Quả núi này được xem là chiếc án tự nhiên của khu lăng xét về mặt phong thủy.

3- Cảnh Lăng:

Lăng của Tuyên Tông hoàng đế Chu Chiêm Cơ (1399-1435) hợp táng cùng hoàng hậu Tôn Thị. Lăng được xây dựng năm 1435, toạ lạc ở bên trái Trường Lăng.

4- Dũ Lăng:

Lăng của Anh Tông Chu Kỳ Trấn (1427-1464) hợp táng cùng hoàng hậu Tiền Thị và hoàng quý phi Chu Thị. Dũ lăng nằm bên phải Trường Lăng nhưng ở giữa hai lăng này còn có Hiến Lăng và Khánh Lăng. Dũ lăng cũng là khu lăng đầu tiên mở đầu cho kiểu hợp táng "nhất đế nhị hậu".

5- Mậu Lăng:

Lăng của Hiến Tông Chu Kiến Thâm (1447-1487) hợp táng cùng 3 vị hoàng hậu, Mậu lăng nằm ở bên phải Dũ Lăng.

6- Thái Lăng:

Lăng của Hiếu Tông Chu Hựu Đường (1470-1505) hợp táng cùng hoàng hậu Trương Thị. Lăng nằm ở bên phải, chếch về phía sau của Mậu lăng.

7- Khang Lăng:

Lăng của Vũ Tông Chu Hậu Chiếu (1491-1521) hợp táng cùng hoàng hậu Hạ Thị. Khang Lăng nằm ở bên phải Thái Lăng.

8- Vĩnh Lăng:

Lăng của Thế Tông Chu Hậu Tổng (1507-1566) hợp táng cùng 3 hoàng hậu Trần Thị, Dương Thị và Đỗ Thị. Lăng xây năm 1536, toạ lạc bên trái Cảnh Lăng.

9- Chiêu Lăng:

Lăng của Mục Tông Chu Tải Hậu (1537-1572) hợp táng cùng 3 vị hoàng hậu.

10- Định Lăng:

Lăng của Thần Tông Chu Dực Quân (1563-1620) hợp táng cùng 2 hoàng hậu. Lăng khởi dựng từ năm 1584.

11- Khánh Lăng:

Lăng của Quang Tông Chu Thường Lạc (1582-1620) hợp táng cùng 3 hoàng hậu.

12- Đức Lăng:

Lăng của Hy Tông Chu Do Hiệu (1605-1627) hợp táng cùng Trương hoàng hậu.

13- Tư Lăng:

Lăng của Tư Tông Chu Do Kiểm (1610-1644) hợp táng cùng 2 hoàng hậu.

II.3- Cấu trúc tiêu biểu của một khu lăng

Có thể khẳng định, từ thời Minh trở đi, kiến trúc lăng mộ Trung Quốc đã có những thay đổi lớn và bước phát triển mới mẻ. Từ Hiếu lăng, ngôi lăng hoàng đế đầu tiên ở Nam Kinh, phong cách kiến trúc kiểu "thượng hạ nhất thể" (tức kiến trúc âm phần đồng nhất với kiến trúc dương cơ-lăng tẩm đồng nhất với cung điện) đã hình thành. Kiểu kiến trúc này dựa trên 3 yêu cầu về công năng của lăng tẩm là: an táng, tế tự và quản lý phục vụ để xây dựng. Cấu trúc 1 khu lăng, do 3 yêu cầu về công năng trên cũng hình thành nên 3 khu vực, bố trí liền nhau, hoặc lồng vào nhau, thường gọi là Tiền viện, Trung viện và Hạ viện. Phần Tiền viện chủ yếu bố trí các công trình nhằm quản lý phục vụ như Thần Khố, Thần trù, Bình xá... Phần Trung viện là các công trình phục vụ việc tế tự, trong đó có công trình trung tâm là điện chính của khu lăng, thường gọi chung là Lăng Ân điện, trong đặt bài vị của hoàng đế, hoàng hậu, phần Hậu viện thì gồm có một đài cao, trên dựng lầu, gọi là Phương thành Minh lâu và gắn liền phía sau nó là lăng mộ xây hình tròn, trên trồng thông che kín (phần này được gọi là Bảo đỉnh, tường xây chung quanh thì gọi là Bảo thành). Cả 3 phần Tiền viện, Trung viện và Hạ viện nói trên đều được đặt trên một trục dọc. Cách cấu trúc gồm 3 phần như vậy có thể nói là đã được áp dụng cho tất cả các lăng tẩm thời Minh, nhất là ở Thập Tam Lăng. Bởi vậy, dù quy mô, đặc điểm của mỗi lăng cũng có chỗ khác biệt do hoàn cảnh, cá tính của mỗi vị vua khác nhau nhưng nhìn chung, sự khác biệt ấy không thật lớn lắm. Có thể khẳng định, phong cách Thập Tam Lăng là thống nhất. Điều này khác xa các lăng tẩm vua chúa thời Nguyễn ở Huế, một quần thể lăng tẩm có phong cách rất đa dạng với cách cấu trúc của từng lăng đều có đặc điểm riêng.

Điểm độc đáo nữa ở Thập Tam Lăng là mỗi lăng đều có một Vô Tự Bi (bia đá không khắc chữ). Trong Thập Tam Lăng, trừ bia đá Thánh đức Thần Công ngợi ca tài năng công đức của Minh Thành Tổ Chu Đệ, người đã dời đô về Bắc Kinh và cũng là người đặt nền móng xây quần thể lăng này, đặt ngay trên trục Thần đạo, các lăng còn lại đều chỉ có một tấm bia không khắc chữ đặt ở phần phía trước cửa lăng. Những tấm bia này đều có kích thước khá lớn, đặt trên lưng rùa; đầu bia, cạnh bia đều trang trí chạm khắc công phu, nhưng lòng bia tuyệt nhiên không có một chữ nào! Việc xuất hiện của những tấm bia không chữ này đã gây nên một câu hỏi lớn về các hoàng đế triều Minh mà đến nay tất cả các cách giải thích đều tỏ ra chưa thật sự thoả đáng.

So với các triều đại trước của Trung Hoa, và so với cả lăng tẩm thời Nguyễn ở Huế, Minh Thập Tam Lăng còn có thêm một điểm khác biệt: Tại mỗi khu lăng trong quần thể lăng này còn có một tấm bia đá đặt ngay giữa toà Minh lâu. Mỗi tấm bia này, trên đầu bia khắc 2 chữ "Đại Minh", thân bia thì khắc 7 chữ kiểu đại tự để chỉ định lăng, ví như tấm bia đặt ở Minh Lâu

của Định Lăng thì khắc dòng chữ "Thần Tông Hiển hoàng đế chi lăng"...

Theo đánh giá của các nhà nghiên cứu Trung Quốc, Minh Thập Tam Lăng là một kiệt phẩm của kiến trúc Trung Hoa cổ, xứng đáng được xếp ngang hàng với những công trình kiến trúc danh tiếng nhất của nước này và của thế giới. Nếu được tận mắt chiêm ngưỡng quần thể di tích vĩ đại này, người ta đều cảm thấy sự đánh giá trên đây hoàn toàn không có gì quá đáng.

Tuy nhiên, việc gìn giữ bảo tồn Thập Tam Lăng cũng không thật hoàn hảo lắm. Trong lịch sử, nhiều công trình trong quần thể di tích này đã từng bị tàn phá. Hiện nay, Nhà nước Trung Quốc đang nỗ lực bảo tồn và phát huy giá trị của Thập Tam Lăng. Trường Lăng, Định Lăng đã được bảo tồn khá tốt và đang thu hút rất nhiều khách đến tham quan. Năm 1956, Định Lăng đã được khai quật và đã thu được vô số bảo vật từ Địa cung. Cũng qua cuộc khai quật này người ta còn khám phá được cách thức xây Huyền cung của thời Minh-kiểu tam viện dàn ngang và nối thông với nhau rất độc đáo. Cho đến nay, Định Lăng cũng là khu lăng duy nhất trong Thập Tam Lăng được khai quật và đã tổ chức trưng bày.

Đối với người Việt Nam chúng ta, có thêm một điều ngạc nhiên nữa liên quan đến di tích này: năm 1958 Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đến thăm Thập Tam Lăng ! Người còn xuống tận Huyền Cung của Định Lăng để xem xét. Theo tác giả của cuốn Định lăng phong tuyết, Hồ Chủ tịch là vị lãnh đạo người nước ngoài đầu tiên đến thăm Định lăng, và có lẽ Người cũng là người Việt Nam đầu tiên đến tham quan khu di tích này!

H.T

Chú thích:

(1) Do phải vận chuyển những tấm đá rất lớn từ khá xa về vùng Thập Tam Lăng nên những người thợ và dân phu Trung Quốc hồi đó đã sáng tạo ra một phương pháp vận chuyển độc đáo, gọi là "thuyền băng trên cạn". Phương pháp đó làm như sau: cứ khoảng nửa cây số người ta đào 1 chiếc giếng, đến mùa đông thì múc nước giếng đổ xuống đất để nước đóng thành băng, rồi kéo phiến đá trượt trên mặt băng. Tuy nhiên phương pháp này phải thực hiện trong mùa đông rất khắc nghiệt. Có lần người ta kéo một phiến đá dài 3 trượng, rộng 1 trượng, dày 5 thước (mỗi thước tương đương 32cm, mỗi trượng bằng 10 thước) từ Thạch Đại Oa đến Kinh độ, đã phải huy động 20 vạn dân công, đi trong 28 ngày, tốn hết 110 ngàn lạng bạc (!) Nếu vận chuyển tới núi Thiên Thọ thì thời gian, dân công và chi phí phải gấp đôi. Đến năm Gia Khánh 16 (1537), Thượng thư bộ Công là Mao Bá Ôn đã sáng tạo ra phương pháp vận chuyển bằng xe ngựa 8 bánh, khiến công tác vận chuyển tiết kiệm hơn rất nhiều. Thời Vạn Lịch, Lang trung bộ Công là Hạ Thịnh Thuỵ cải tiến xe ngựa từ 8 bánh thành 16 bánh, lại nâng hiệu suất vận chuyển lên gấp đôi.

(2) Vũ điện là 1 trong 4 hình thức mái phổ biến của kiến trúc Trung Hoa cổ, gồm: Vũ điện, Toàn tiêm, Yết sơn và Huyền sơn. Hình thức mái kiểu Vũ điện luôn được xem là tôn quý, sang trọng nhất, thường chỉ dùng cho cung điện quan trọng nằm trên trục kiến trúc chính của hoàng cung, lăng tẩm đế vương.

(3) Hoa biểu, còn gọi là Trụ biểu, Thần Đạo trụ... xuất hiện từ khá sớm trong kiến trúc lăng mộ Trung Quốc, nguyên xưa làm bằng gỗ, thường bố trí thành từng đôi hai bên, phía trước Thần Đạo. Các lăng tẩm của triều Nguyễn ở Huế, mỗi lăng thường chỉ có một đôi trụ biểu, đặt đối xứng với nhau qua Thần Đạo ở phía trước phần lăng.

(4) Thạch Tượng Sinh tức tượng đá đặt trong phần lăng mộ. Nguyên xưa khi vua chúa chết thường có tục bồi táng theo người và thú còn sống để hầu hạ họ ở thế giới bên kia. Nhưng từ thời Tần trở đi bắt đầu dùng tượng gỗ hoặc đất nung để thay thế. Từ thời Hán thì những tượng này được đặt lộ thiên ở trên phần mộ và bắt đâu mang tính nghi vệ là chủ yếu. ở ta, trong kiến trúc lăng mộ từ thời Trần đã ảnh hưởng tập tục này.

Tham khảo:

1- Nguỵ Ngọc Thanh, *Minh thập tam lăng*, Trung Quốc lữ du xuất bản xã, bản in 1996 (bản in tiếng Anh, Hoa, Nhật).

2- Dương đạo Minh, *Trung Quốc lăng mộ kiến trúc khái luận*. In trong sách Trung Quốc mỹ thuật toàn tập, Trung Quốc công nghiệp xuất bản xã. Bản tiếng Hoa.

3- Lữ Tùng Vân, Lưu Thi Trung, *Trung Quốc cổ kiến trúc từ điển*, Bắc Kinh Văn vật nghiên cứu sở xuất bản.

4- Dương sĩ - Nhạc Nam, Phong Tuyết Định Lăng. *Trung Quốc Tân thế giới xuất bản xã*. bản in 1997.